

## SO SÁNH

## COMPARISON

- Tính từ ngắn: 1 âm tiết; hoặc 2 âm tiết kết thúc bằng *-er, -le, -ow, -y*. (*clever, simple, narrow, pretty...*)
- Tính từ dài: 2 âm tiết KHÔNG kết thúc bằng các đuôi trên, hoặc 3 âm tiết trở lên. (*handsome, beautiful, important...*)
- Trạng từ ngắn: 1 âm tiết (*fast, hard*). • Trạng từ dài:  $\geq 2$  âm tiết (*quickly, slowly, beautifully*).
- Bất quy tắc (*adjective/adverb*  $\rightarrow$  *comparative*  $\rightarrow$  *superlative*):

Nguyên mẫu	So sánh hơn	So sánh nhất
<i>good / well</i>	<i>better</i>	<i>the best</i>
<i>bad / badly</i>	<i>worse</i>	<i>the worst</i>
<i>much / many</i>	<i>more</i>	<i>the most</i>
<i>little</i>	<i>less</i>	<i>the least</i>
<i>far</i>	<i>farther / further</i>	<i>the farthest / the furthest</i>

- So sánh ngang bằng & so sánh hơn dùng cho 2 đối tượng; từ 3 đối tượng trở lên dùng so sánh nhất.

## A. SO SÁNH NGANG BẰNG (EQUAL COMPARISON)

## 1) S + be/V nối + as + adj + as + N/pronoun

Ví dụ:

*Peter is as tall as his father.* (Peter cao bằng bố của cậu ấy.)

*Mary is as beautiful as her friend.* (Mary xinh đẹp như bạn của cô ấy.)

## 2) S + V (thường) + as + adv + as + N/pronoun

Ví dụ:

*Jane sings as well as her sister.* (Jane hát hay như chị/em gái cô ấy.)

- Phủ định có thể dùng: *not so ... as*.

Ví dụ:

*His work is not so difficult as mine. (Công việc của anh ấy không khó bằng của tôi.)*

- Với danh từ:

**S + V + as + many/few + N(đếm được số nhiều) + as + N/pronoun**  
**S + V + as + much/little + N(không đếm được) + as + N/pronoun**

**Ví dụ:**

*David earns as much money as his wife. (David kiếm nhiều tiền như vợ.)*

- Cấu trúc *the same ... as*

**Ví dụ:**

*My house is the same height as his. (Nhà tôi cao bằng nhà anh ấy.)*

*Tom and Mary are the same age. (Tom và Mary cùng tuổi.)*

## B. SO SÁNH HƠN (COMPARATIVE)

- Tính từ ngắn: **S + be/V nối + adj-er + than + N/pronoun**
- Tính từ dài: **S + be/V nối + more + adj + than + N/pronoun**
- Trạng từ: **... + adv-er / more + adv + than + N/pronoun**

**Ví dụ:**

*Today is hotter than yesterday. (Hôm nay nóng hơn hôm qua.)*

*This chair is more comfortable than the other. (Ghế này thoải mái hơn chiếc kia.)*

*He speaks English better than me. (Anh ấy nói tiếng Anh tốt hơn tôi.)*

*My father sings more beautifully than my brother. (Bố tôi hát hay hơn anh trai tôi.)*

- Nhấn mạnh: **far/much + comparative**

**Ví dụ:**

*Harry's watch is far more expensive than mine. (Đồng hồ của Harry đắt hơn của tôi rất nhiều.)*

*He speaks English much more rapidly than Spanish. (Anh ấy nói tiếng Anh nhanh hơn tiếng Tây Ban Nha rất nhiều.)*

## C. SO SÁNH NHẤT (SUPERLATIVE)

**S + V + the + adj/adv-est (ngắn) / the most + adj/adv (dài) + (in/of + N)**

- Dùng 'in' trước danh từ số ít; 'of' trước danh từ số nhiều/tập hợp.

**Ví dụ:**

Lan is the most beautiful (girl) in my class. (Lan là (cô gái) xinh đẹp nhất lớp tôi.)

This dress is the most beautiful of the dresses. (Chiếc váy này đẹp nhất trong các chiếc váy.)

John is the tallest boy in my class. (John là cậu cao nhất lớp tôi.)

It is the best beer I have ever drunk. (Đây là loại bia ngon nhất tôi từng uống.)

**D. SO SÁNH KÉM (LESS / LEAST)**

1) S + V + less + adj/adv + than + N/pronoun

2) S + V + the least + adj/adv + (in/of + N)

3) less and less + adj/adv

**Ví dụ:**

Nga is less young than I (am). (Nga trẻ ít hơn tôi.)

My brother runs less fast than I (do). (Anh trai tôi chạy không nhanh bằng tôi.)

These shoes are the least expensive of all. (Đôi giày này rẻ nhất trong tất cả.)

She becomes less and less beautiful. (Cô ấy ngày càng bớt xinh đẹp.)

**E. SO SÁNH KÉP (DOUBLE COMPARATIVE)**

- The + comparative, the + comparative (càng... thì càng...)

**Ví dụ:**

The hotter it is, the more terrible I feel. (Trời càng nóng tôi càng thấy tệ.)

The sooner you leave, the earlier you will arrive. (Bạn đi càng sớm sẽ đến càng sớm.)

The more you study, the smarter you will become. (Bạn học càng nhiều càng thông minh.)

- Càng ngày càng... : adj/adv + -er and -er; more and more + adj/adv

**Ví dụ:**

She becomes more and more beautiful. (Cô ấy ngày càng xinh đẹp.)

*Lan is younger and younger. (Lan ngày càng trẻ.)*

- Một số tính từ không so sánh: *only, unique, square, round, perfect, extreme...*



*BEYOND ENGLISH, BEYOND LIMITS*